

Phụ lục 1: Danh mục các chỉ tiêu và phân công tổ chức thực hiện

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /9/2025 của UBND phường Hồng Quang)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu					Cơ quan chủ trì thực hiện chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2025	2030	2035	2040	2045		
I.	Phát triển hạ tầng								
1.	Hạ tầng mạng đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định	%	100	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị có hệ thống hạ tầng mạng	Công an phường
2.	Cán bộ, công chức được trang bị đầy đủ thiết bị (máy tính, máy in, máy scan, ...)đảm bảo theo quy định	%	100	100	100	80	100	Các cơ quan, đơn vị	Phòng Văn hóa – Xã hội
3	Phòng họp trực tuyến từ UBND phường đến các cơ quan, đơn vị và tổ dân phố trên địa bàn phường	%	-	100	100	80	100	Văn phòng HĐND-UBND, các cơ quan, đơn vị	Phòng Văn hóa – Xã hội
4	Tổ công nghệ số cộng đồng trang bị thiết bị (máy tính, thiết bị thông minh, sim, internet...) để hoạt động	%	-	100	100	80	100	Phòng Văn hóa – Xã hội	Phòng Văn hóa – Xã hội
II.	Phát triển nguồn lực								
1.	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách phường	%	≥ 2	≥ 3	≥ 3	≥ 3	≥ 3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
2.	Tỉ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	≥ 80	100	100	100	100	Đảng ủy, HĐND, UBND phường	Văn phòng Đảng ủy, Phòng Văn hóa - Xã hội
3.	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công	%	80	100	100	100	100	Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc Đảng	Văn phòng Đảng ủy Phòng Văn hóa - Xã

[illegible]

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu					Cơ quan chủ trì thực hiện chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2025	2030	2035	2040	2045		
1.	Tỷ lệ hộ kinh doanh, HTX đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	%	-	≥ 30	≥ 50	≥ 70	≥ 90	Hợp tác xã, Hộ kinh doanh trên địa bàn phường	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Văn hóa - Xã hội
2.	Tỉ lệ HTX, hộ kinh doanh có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	-	40	50	80	100	Hợp tác xã, Hộ kinh doanh trên địa bàn phường	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Văn hóa - Xã hội
3.	Số sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm	Sản phẩm	-	≥ 1	≥ 2	≥ 3	≥ 5	Hợp tác xã, Hộ kinh doanh trên địa bàn phường	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Văn hóa - Xã hội
4.	Số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách	Dự án	-	Có	Có	Có	Có	Các phòng, cơ quan, đơn vị	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
10.	Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận	Sáng kiến	-	Có	Có	Có	Có	Các phòng, cơ quan, đơn vị	Phòng Văn hóa - Xã hội

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu					Cơ quan chủ trì thực hiện chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2025	2030	2035	2040	2045		
11.	Số dự án khởi nghiệp sáng tạo mỗi năm	Dự án	-	-	-	Có	Có	Các phòng, cơ quan, đơn vị	Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
V.	Phát triển chuyển đổi số								
1.	Tỉ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	≥ 70	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC
2.	Tỉ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC
3.	Tỉ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc"	%	≥ 70	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC
4.	Tỉ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hoá	%	≥ 80	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC
5.	Tỉ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu					Cơ quan chủ trì thực hiện chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2025	2030	2035	2040	2045		
6.	Tỉ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	≥ 80	≥ 85	≥ 95	100	100	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC
7.	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	-	≥ 80	90	95	99	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC
8.	Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	-	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC
9.	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	-	80	85	90	99	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC
10.	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	-	80	85	90	99	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC
11.	Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	-	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị	Văn phòng HĐND và UBND
12.	Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	-	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị	Văn phòng HĐND và UBND

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu					Cơ quan chủ trì thực hiện chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2025	2030	2035	2040	2045		
13.	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	-	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị	Văn phòng HĐND và UBND
14.	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	-	80	> 80	> 80	> 80	Các cơ quan, đơn vị	Ngân hàng nhà nước Khu vực
15.	Tỉ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong việc thực hiện TTHC, cung cấp DVC	%	95	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC
16.	Tỉ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hoá và liên thông với Trung ương	%	50	≥ 80	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị được cấp tài khoản, sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu	Phòng Văn hóa - Xã hội
18.	Tỉ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	≥ 60	≥ 80	≥ 95	100	100	Công an phường	Công an phường
21.	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	-	95	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức, cá nhân; các ngân hàng thương mại	Ngân hàng nhà nước khu vực
22.	Tỉ lệ người dân có chữ ký số	%	-	≥10	20	30	40	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Phòng Văn hóa - Xã hội

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu					Cơ quan chủ trì thực hiện chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2025	2030	2035	2040	2045		
23.	Tỉ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	-	≥ 70	80	90	95	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Phòng Văn hóa - Xã hội
24.	Tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	-	≥ 95	100	100	100	Trạm y tế, các cơ sở khám chữa bệnh	Phòng Văn hóa - Xã hội
25.	Các cơ quan, đơn vị đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	%	-	100	100	100	100	Công an phường Các cơ quan, đơn vị	Công an phường
26.	Xây dựng các trung tâm điều hành thông minh cấp xã đóng vai trò như "bộ não số" của địa phương kết nối với trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế-xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công	Trung tâm	-	-	Có	Thực sự đóng vai trò "bộ não số" của phường	Duy trì, phát triển	Văn phòng HĐND-UBND Văn phòng Đảng ủy	Văn phòng HĐND và UBND Văn phòng Đảng ủy
27.	Tỉ lệ các cơ quan, đơn vị đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	100	100	100	100	100	Các cơ quan, đơn vị của đảng ủy, chính quyền phường	Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng Đảng ủy

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu					Cơ quan chủ trì thực hiện chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
			2025	2030	2035	2040	2045		
29.	Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh	%	-	-	-	-	100	Các phòng, đơn vị	Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng Đảng ủy
30.	Số hóa các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề truyền thống, nhân vật lịch sử	%	-	70	100	-	-	Công chức quản lý văn hóa phường	Phòng Văn hóa - Xã hội
31.	Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh	Đô thị	-	-	-	-	Đạt	Phòng KTHTĐT	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Văn hóa - Xã hội
32.	Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sông hiện đại, an toàn, tiện ích	Dịch vụ	-	-	-	-	Đạt chuẩn tiên tiến	Các Trạm y tế, cơ sở khám chữa bệnh, các cơ sở giáo dục	Phòng Văn hóa - Xã hội